

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HN-ST

Ngày: 13-5-2025

*“V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình về ly hôn,  
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thuý Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Thành
2. Bà Trần Thị Sầm

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Quyên -  
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre  
tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2025/TLST - HNGĐ, ngày 28/3/2025, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Hồ Duy L, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị N, anh L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn ngày 12/11/2024 và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:**

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Hồ Duy L.

Lý do ly hôn: Cả hai quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình sống chung có 02 con chung. Nhưng do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, đã không còn sống chung từ tháng

5/2022, nay thấy không thể hàn gắn được nữa và không còn tình cảm với anh L nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: 02 con chung tên Hồ Quốc T, sinh ngày 14/8/2005 và Hồ Minh K, sinh ngày 12/8/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh Hồ Duy L cấp dưỡng nuôi 02 con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Hồ Duy L trình bày tại Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, ngày 08/4/2025:

Anh xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án hôn nhân gia đình với chị N do bận công việc. Anh đồng ý ly hôn với chị N. Đối với con chung, tài sản chung, nợ chung chị N trình bày là đúng, anh đồng ý và không có ý kiến gì.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N; Về con chung: Hồ Quốc T, sinh ngày 14/8/2005 và Hồ Minh K, sinh ngày 12/8/2012. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi con Hồ Minh K, ghi nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N không yêu cầu anh Hồ Duy L cấp dưỡng nuôi con. Riêng Hồ Quốc T đã trưởng thành, không giải quyết; Tài sản chung: Không có, không giải quyết; Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”. Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Tuyết N là nguyên đơn, anh Hồ Duy L là bị đơn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Hồ Duy L vắng mặt có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:**

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N, thấy rằng:

Quá trình tố tụng, chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Anh L vắng mặt nhưng có lời trình bày đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của anh L và chị N có đăng ký kết hôn. Hiện tại chị N không sống chung với anh L tại địa phương do đã dẫn 02 con đi nơi khác sinh sống khoảng 02 – 03 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng địa phương không rõ.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh L là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn mà để mặc cho mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng, đã có thời gian dài không sống chung, chị N xác định không còn tình cảm với anh L và kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm, tuy nhiên anh L không đến Tòa và gửi đơn nêu ý kiến đồng ý ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Hồ Quốc T, sinh ngày 14/8/2005 và Hồ Minh K, sinh ngày 12/8/2012. Xét thấy, Hồ Quốc T đã trưởng thành, không có yêu cầu liên quan đến cấp dưỡng nên không xem xét. Đối với Hồ Minh K, khi được hỏi ý kiến thì con có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ, anh L cũng đồng ý nên để chị N trực tiếp nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N và anh L trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị N và anh L trình bày không có, không giải quyết.

***[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.***

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị N chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Hồ Duy L.

2. Về con chung:

- Hồ Quốc T, sinh ngày 14/8/2005 đã trưởng thành, không giải quyết.

- Hồ Minh K, sinh ngày 12/8/2012. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Tuyết N được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N không yêu cầu anh Hồ Duy L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Hồ Duy L trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Hồ Duy L trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011648 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Đỗ Thúy Hằng**